

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần						ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ				SỐ			CHỮ		
					10%									
					10%				30%	60%	100%			
					1	1	1	1						
1	1913711412	Nguyễn Trần Hoài	Bảo	N19DLK1	8	7	7	8	8	7.5	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
2	1912711424	Lê Thùy	Dung	N19DLK1	9	8	8	7	7	7.5	6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
3	1912711433	Lê Thị Khánh	Hà	N19DLK1	8	8	7	7	7	7.3	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
4	1913711441	Nguyễn Thanh	Hòa	N19DLK1	6	6	6	7	6	6.3	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
5	1912711447	Hà Thị Thanh	Huyền	N19DLK1	8	8	6	8	8	7.5	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
6	1912711448	Trần Lưu Kim	Huyền	N19DLK1	8	7	7	7	8	7.3	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
7	1913711450	Trương Nguyễn Đăng	Khoa	N19DLK1	7	8	7	8	8	7.8	8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
8	1912711460	Trần Ngọc	Mai	N19DLK1	7	7	7	7	8	7.3	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
9	1913711463	Võ Đức Hoài	Nam	N19DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
10	1912711465	Trần Thị	Nga	N19DLK1	8	8	8	7	8	7.8	9.0	8.5	Tám phẩy Năm	
11	1912711467	Lâm Khả	Ngân	N19DLK1	8	7	7	7	7	7.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
12	1913711476	Nguyễn Thành	Nhân	N19DLK1	7	7	7	7	6	6.8	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
13	1913711490	Nguyễn Văn	Quý	N19DLK1	7	6	7	6	8	6.8	6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
14	1912711493	Lê Thị Hạ	Quyên	N19DLK1	7	7	6	7	7	6.8	8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
15	1912711497	Phạm Ngọc Bảo	Quỳnh	N19DLK1	9	8	7	8	7	7.5	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
16	1913711498	Nguyễn Nhật	Tân	N19DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
17	1913711501	Hoàng	Thành	N19DLK1	8	7	8	8	8	7.8	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
18	1912711503	Trần Thị Thu	Thảo	N19DLK1	8	7	7	8	8	7.5	6.5	7.0	Bảy	
19	1913711530	Lưu Văn Minh	Trung	N19DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
20	1912711533	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	N19DLK1	8	7	7	7	8	7.3	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
21	1912711535	Ngô Thị Thanh	Vân	N19DLK1	9	8	8	8	7	7.8	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
22	1912711541	Đặng Thị Thúy	Vy	N19DLK1	8	7	8	7	8	7.5	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
23	1913711403	Nguyễn Đình	An	N19DLK2	1	5	5	5	5	5.0	7.0	5.8	Năm phẩy Tám	
24	1912711404	Nguyễn Thị Vân	Anh	N19DLK2	3	5	5	5	5	5.0	7.0	6.0	Sáu	
25	1912711407	Mai Thị Phương	Anh	N19DLK2	5	6	6	6	6	6.0	V	0.0	Không	
26	1913711420	Nguyễn Tấn	Định	N19DLK2	8	7	6	7	7	6.8	7.0	7.0	Bảy	
27	1813119349	Lê	Đức	N19DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
28	1913711427	Lê Phạm Quang	Duy	N19DLK2	7	7	7	6	7	6.8	6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
29	1912711434	Nguyễn Thị Duy	Hà	N19DLK2	7	6	7	7	6	6.5	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
30	1912711438	Trần Thị Thu	Hiền	N19DLK2	7	7	7	7	7	7.0	7.0	7.0	Bảy	
31	1913711452	Trần Duy	Khoa	N19DLK2	7	7	7	7	7	7.0	7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
32	1913711461	Thái Bình	Minh	N19DLK2	7	7	7	7	7	7.0	7.0	7.0	Bảy	
33	1912711468	Lê Thị Kiều	Ngân	N19DLK2	7	7	6	7	8	7.0	7.0	7.0	Bảy	
34	1913711477	Phạm Văn	Nhân	N19DLK2	1	5	5	5	5	5.0	8.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
35	1913711479	Nguyễn Quang	Nhật	N19DLK2	3	5	5	5	5	5.0	7.0	6.0	Sáu	
36	1913711483	Lê Văn	Nhật	N19DLK2	7	6	7	7	6	6.5	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
37	1913711484	Thân Đăng Hồng	Phú	N19DLK2	7	7	7	7	7	7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
38	1912711510	Dương Thị Ngọc	Thu	N19DLK2	7	6	7	6	7	6.5	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
39	1912711512	Nguyễn Nguyễn Hoài	Thương	N19DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
40	1913711526	Nguyễn Kim	Trí	N19DLK2	1	5	5	5	5	5.0	7.0	5.8	Năm phẩy Tám	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
41	1912711528	Hồ Thị Tú Trình	N19DLK2	6	7	6	7	7	6.8	7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
42	1913711532	Hà Xuân Trường	N19DLK2	5	6	6	6	6	6.0	7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
43	1913711538	Hồ Nguyên Vũ	N19DLK2	7	7	6	6	7	6.5	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
44	1713719996	Nguyễn Hoàng Nguyên Vũ	N19DLK2	7	7	6	7	6	6.5	8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
45	1913711539	Huỳnh Ngọc Vũ	N19DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
46	1912711544	Võ Thị Ngọc Yến	N19DLK2	6	6	7	7	7	6.8	7.5	7.1	Bảy phẩy Một	
47	1913711408	Hồ Văn Anh	N19DLK3	6	6	6	7	6	6.3	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
48	1913711413	Võ Đức Hoài Bảo	N19DLK3	6	7	6	6	6	6.3	V	0.0	Không	
49	1913711414	Phạm Thanh Chi	N19DLK3	8	7	6	7	7	6.8	5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
50	1912711416	Thân Thị Thảo Chi	N19DLK3	8	7	7	6	6	6.5	7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
51	1913711423	Phạm Minh Đức	N19DLK3	7	6	6	7	7	6.5	5.5	6.0	Sáu	
52	1912711431	Trần Thị Hà Giang	N19DLK3	8	7	8	6	8	7.3	8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
53	1912711432	Nguyễn Thị Tường Giang	N19DLK3	7	6	8	7	6	6.8	6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
54	1912711435	Trần Thu Hà	N19DLK3	6	6	6	7	6	6.3	7.5	7.0	Bảy	
55	1913711437	Phùng Ngọc Hậu	N19DLK3	7	6	8	6	6	6.5	V	0.0	Không	
56	1913711440	Trương Diên Bảo Hiếu	N19DLK3	2	6	6	6	6	6.0	V	0.0	Không	
57	1813719081	Nguyễn Thanh Trung Hiếu	N19DLK3	6	6	7	7	7	6.8	CT	0.0	Không	HP
58	1912711446	Trần Nữ Hoàng Hường	N19DLK3	6	7	6	7	6	6.5	8.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
59	1813719119	Nguyễn Xuân Sơn Lâm	N19DLK3	6	7	7	6	6	6.5	8.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
60	1913711457	Trịnh Xuân Long	N19DLK3	9	8	7	7	8	7.5	8.0	8.0	Tám	
61	1913711459	Đỗ Phú Lượng	N19DLK3	7	7	7	6	7	6.8	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
62	1913711464	Lữ Ngọc Nam	N19DLK3	7	6	7	7	6	6.5	8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
63	1912711466	Hồ Thị Nga	N19DLK3	8	7	7	6	8	7.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
64	1912711401	Nguyễn Thị Phương Ngọc	N19DLK3	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
65	1912711474	Phạm Thị Thúy Nguyên	N19DLK3	7	7	6	7	7	6.8	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
66	1912711473	Trần Thảo Nguyên	N19DLK3	8	6	8	6	8	7.0	7.0	7.1	Bảy phẩy Một	
67	1913711475	Hoa Trung Nguyên	N19DLK3	7	7	6	7	7	6.8	6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
68	1913711478	Bùi Anh Nhân	N19DLK3	6	6	6	7	6	6.3	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
69	1912711481	Huỳnh Thị Yến Nhi	N19DLK3	9	7	8	8	8	7.8	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
70	1813719186	Lê Hồng Phúc	N19DLK3	2	6	6	6	6	6.0	V	0.0	Không	
71	1912711646	Đỗ Thị Hồng Phúc	N19DLK3	7	7	6	7	7	6.8	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
72	1913711487	Phạm Đức Phước	N19DLK3	7	7	7	6	7	6.8	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
73	1913711492	Phan Ngọc Quý	N19DLK3	6	6	7	7	6	6.5	8.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
74	1912711494	Nguyễn Hữu Anh Quyên	N19DLK3	7	6	7	6	6	6.3	8.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
75	1912711495	Hồ Lê Thục Quyên	N19DLK3	7	7	7	6	6	6.5	8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
76	1913711505	Vũ Ngọc Thiện	N19DLK3	6	6	6	7	6	6.3	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
77	1913711506	Trần Nguyên Thịnh	N19DLK3	1	6	6	6	6	6.0	V	0.0	Không	
78	1912711508	Hà Thị Thanh Thoa	N19DLK3	7	7	7	7	7	7.0	6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
79	1913711509	Nguyễn Tiến Thôi	N19DLK3	7	6	7	6	7	6.5	7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
80	1912711514	Đỗ Thị Xuân Thương	N19DLK3	7	7	7	7	7	7.0	7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
81	1912711519	Quách Huỳnh Thy Thy	N19DLK3	7	6	6	7	7	6.5	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
82	1913711522	Đặng Văn Tiến	N19DLK3	7	6	7	7	7	6.8	7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				BẢNG GHI ĐIỂM											
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN										Lớp: N19DLK	
TÊN MÔN:				TRIẾT HỌC&CHÍNH TRỊ										Tín chỉ: 4	
MÃ MÔN:				PHI2162										Học kì: 5	
Ngày thi: 01/03/2016														Lần thi: 1	
TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú		
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ			
83	1913711523	Đinh Văn Toàn	N19DLK3	7	7	7	7	6	6.8	6.0	6.3	Sáu phần Ba			
84	1913711531	Lê Công Trung	N19DLK3	8	7	7	7	7	7.0	V	0.0	Không			
85	1913711534	Phạm Bá Uy	N19DLK3	7	6	6	7	7	6.5	6.0	6.3	Sáu phần Ba			
86	1912711543	Đoàn Trần Như Ý	N19DLK3	7	7	7	7	8	7.3	6.0	6.5	Sáu phần Năm			

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	71	83%	
2	Số sinh viên nợ	15	17%	
TỔNG CỘNG :		86	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2016

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân